| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CHÍ LINH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 10/3/2023
"V/v ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Hoa

2. Bà Vũ Thị Linh

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Đình K (tên gọi khác: Đào Văn K), sinh ngày 03 tháng 02 năm 1963.

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh H;

- Bị đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh H;

Ông K vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); bà Y vắng mặt không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là ông Đào Đình K (tên gọi khác: Đào Văn K) và bị đơn là bà Trần Thị Y trình bày: Ông bà sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 tại khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh H nhưng do mải làm ăn kinh tế, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian đầu ông bà chung

sống hạnh phúc. Đến cuối năm giữa năm 2019 xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày và cách thức làm kinh tế. Ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, sau đó tích tụ dần khiến cuộc sống vợ chồng rất nặng nề, hai bên đã tìm nhiều cách khắc phục nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Nay ông K đề nghị ly hôn và bà Y cũng đồng ý. Ông K và bà Y cũng thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Đào Văn H (tên gọi khác: Đào Duy T), sinh ngày 18/01/1990 và Đào Văn T1, sinh ngày 29/4/1993. Hiện các con chung của ông bà đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường nên ông K và bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh với trưởng khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh H xác định: Ông Phan Thanh L là trưởng khu dân cư T, phường C và cũng là hàng xóm nhà ông Đào Đình K bà Trần Thị Y. Qua nắm bắt tại địa phương ông K và bà Y có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương từ năm 1988 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi cưới ông bà chung sống tại thôn T , xã C (nay là khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh H). Mâu thuẫn của ông bà địa phương không nắm rõ nhưng chỉ biết thời gian gần đây ông bà có nhiều mâu thuẫn bất đồng do tính cách không hòa hợp, ông bà đã sống ly than từ giữa năm 2022 đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Về con chung: Ông bà có 2 con chung là Đào Văn H, sinh ngày 18/01/1990 và Đào Văn T, sinh ngày 29/4/1993. Hiện các con chung của ông bà đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường. Về tài sản chung: địa phương không nắm được.

- Tại biên bản xác minh với UBND phường C thể hiện: Hiện tại UBND phường C vẫn còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn và sổ xác nhận tình trạng hôn nhân từ năm 1977 đến nay. Trong các sổ còn lưu giữ không có trường hợp đăng ký kết hôn giữa ông Đào Đình K (tên gọi khác Đào Văn K) với bà Trần Thị Y. Ông Đào Đình K (tên gọi khác Đào Văn K) cũng chưa xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích đăng ký kết hôn lần nào.

Tại phiên tòa:

Ông K và bà Y đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đào Đình K (tên gọi khác: Đào Văn K) và bà Trần Thị Y là vợ chồng.

- Về con chung: Cả hai con chung của ông bà là Đào Văn H (tên gọi khác: Đào Duy T), sinh ngày 18/01/1990 và Đào Văn T1, sinh ngày 29/4/1993 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường nên ông K và bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

- Án phí: Ông Đào Đình K (tên gọi khác: Đào Văn K) được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ông Đào Đình K (tên gọi khác: Đào Văn K) khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị Y có địa chỉ thường trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông K và bà Y đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông K. Bà Trần Thị Y là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Yên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của ông K và bà Y, ông bà đã chung sống với nhau ở thôn T , xã C, huyện C (nay là khu dân cư T, phường C, thành phố C từ năm 1988. Từ đó đến nay ông bà không đăng ký kết hôn tại cơ

quan có thẩm quyền nào. Xác minh tại UBND phường C thể hiện: từ năm 1988 đến nay, không có thông tin đăng ký kết hôn giữa ông Đào Đình K (tên gọi khác Đào Văn K và bà Trần Thị Y. Như vậy, có căn cứ xác định ông K và bà Y tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định và kể từ đó đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9-6-2000 của Quốc hội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa ông K và bà Y không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, ông K xin ly hôn bà Y, Tòa án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Đào Văn H (tên gọi khác: Đào Duy T), sinh ngày 18/01/1990 và Đào Văn T1, sinh ngày 29/4/1993. Hiện các con chung của ông bà đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường nên ông K và bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Ông K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử: Không công nhận ông Đào Đình K (tên gọi khác: Đào Văn K và bà Trần Thị Y là vợ chồng.

2. Về con chung: Cả hai con chung của ông bà là Đào Văn H (tên gọi khác: Đào Duy T), sinh ngày 18/01/1990 và Đào Văn T1, sinh ngày 29/4/1993 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường nên ông K và bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đào Đình K (tên gọi khác: Đào Văn K) được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đào Đình K (tên gọi khác: Đào Văn K) đã nộp 300.000

đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003172 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hoàn trả ông K 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân Anh**